

MIRAE
CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
---oOo---
Số: 38/2020/CV-CK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc
---oOo---

Bình Dương, ngày 21 tháng 10 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
Mã chứng khoán: KMR
Địa chỉ trụ sở chính: KP 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0274 3791 038
Fax: 0274 3791 037

Người thực hiện công bố thông tin: Shin Young Sik – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Đính chính số liệu năm 2019 trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2020

Công ty xin đính kèm Công văn giải trình số 37/2020/CV-CK ngày 21/10/2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/10/2020 tại đường dẫn :
<http://miraejsc.com/c57/2020.html>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên:
- Lưu Mirae.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

---oOo---

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2020/CV-CK

---oOo---

V/v Đính chính số liệu năm 2019 trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2020

Bình Dương, ngày 21 tháng 10 năm 2020

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 Công Ty đã công bố báo cáo tài chính quý 3 năm 2020, Tuy nhiên qua quá trình rà soát Công ty phát hiện một vài số liệu của năm 2019 bị sai sót cần đính chính lại như sau:

1. Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý 3.2019 số đã công bố	Quý 3.2019 số đính chính	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	154,623,883,267	154,623,883,267	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		154,623,883,267	154,623,883,267	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	127,572,604,876	127,572,604,876	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		27,051,278,391	27,051,278,391	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	3,936,134	3,936,134	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	3,383,102,518	3,383,102,518	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2,162,854,820	2,162,854,820	-
8. Chi phí bán hàng	24		9,341,081,838	9,341,081,838	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,400,844,671	8,400,844,644	27
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5,930,185,498	5,930,185,525	(27)
11. Thu nhập khác	31		1,037,713,472	1,037,713,472	-
12. Chi phí khác	32		548,075,223	548,075,223	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		489,638,249	489,638,249	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6,419,823,747	6,419,823,774	(27)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		6,419,823,747	6,419,823,774	(27)

Nguyên nhân đính chính:

Tại mục chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán công ty đã sơ xuất đánh nhầm số tiền là **8.400.844.671** Nay công ty xin đính chính lại số tiền tại mục chi phí quản lý doanh nghiệp của quý 03.2019 là **8.400.844.644đ**

2. Trên bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu 01.01.2019 đến 30.09.2019 số đã công bố	Số liệu 01.01.2019 đến 30.09.2019 số đính chính	chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	01	18,319,626,196	18,184,287,646	135,338,550
Điều chỉnh các khoản		47,514,362,630	47,514,362,630	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	44,676,773,139	44,676,773,139	-
- Các khoản dự phòng	03	- 6,931,110,685	- 6,931,110,685	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	- 35,894,795	- 35,894,795	-
- Chi phí lãi vay	06	9,804,594,971	9,804,594,971	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	65,833,988,826	65,698,650,276	135,338,550
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	- 45,799,889,947	- 45,799,889,947	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	- 28,084,653,065	- 27,949,314,515	- 135,338,550
lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp	11	30,476,689,505	30,476,689,505	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4,886,075,228	4,886,075,228	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	- 9,760,631,874	- 9,760,631,874	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	- 1,707,678,639	- 1,707,678,639	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	- 4,000,000	- 4,000,000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15,839,900,034	15,839,900,034	-
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	- 32,612,794,425	- 32,612,794,425	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS DH khác	22	- 342,236,400	- 342,236,400	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	- 3,000,000,000	- 3,000,000,000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35,894,795	35,894,795	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	- 35,919,136,030	- 35,919,136,030	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	389,456,177,517	389,456,177,517	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 360,449,708,157	- 360,449,708,157	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	- 1,414,393,312	- 1,414,393,312	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27,592,076,048	27,592,076,048	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	7,512,840,052	7,512,840,052	-
Tiền nhận về từ hợp nhất kinh doanh		-	-	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18,108,269,569	18,108,269,569	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	25,621,109,621	25,621,109,621	-

Nguyên nhân đính chính:

Do sơ xuất trong lúc trình bày số liệu công ty chưa điều chỉnh **135.338.550đ** giữa doanh thu bán hàng nội bộ bị loại trừ khi xác định lợi nhuận trước thuế và mục tăng giảm hàng tồn kho. Nay công ty xin đính chính lại lợi nhuận trước thuế số tiền là **18.184.287.646đ** và tăng giảm hàng tồn kho là **(27.949.314.515đ)**

3932

CÔNG TY
PHẦN
RAE

T.T.BINH

Ngoài các nội dung đính chính trên, các nội dung khác trên báo cáo tài chính quý 3 năm 2020 không thay đổi

Dưới đây Công ty xin đính kèm bảng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã đính chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
CỔ PHẦN
MIRAE

CHOI YOUNG HO

M.S.D.N. 3700000000
TP. THUAN AN - T. BINH DUONG

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

KP 1B - Phường An Phú - Thành phố Thuận An - Tỉnh Bình Dương

Tel: 0274 3 791 038 Fax: 0274 3 791 037

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020

đến ngày 30/09/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2020 đến ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	124,063,714,052	154,623,883,267	354,114,702,263	460,657,123,542
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	150,000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		124,063,714,052	154,623,883,267	354,114,552,263	460,657,123,542
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	106,729,141,093	127,572,604,876	306,650,056,391	393,824,088,628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17,334,572,959	27,051,278,391	47,464,495,872	66,833,034,914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	329,655,595	3,936,134	1,543,282,716	731,089,603
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	3,752,537,656	3,383,102,518	13,197,908,078	10,589,228,069
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4,203,001,701	2,162,854,820	11,967,364,169	8,592,766,076
8. Chi phí bán hàng	24		6,381,514,922	9,341,081,838	18,061,140,488	26,014,078,690
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,622,732,678	8,400,844,644	15,925,960,568	16,729,320,518
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2,907,443,298	5,930,185,525	1,822,769,454	14,231,497,240
11. Thu nhập khác	31		1,386,565,009	1,037,713,472	4,800,594,971	5,626,244,131
12. Chi phí khác	32		682,176,353	548,075,223	1,897,217,115	1,673,453,725
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		704,388,656	489,638,249	2,903,377,856	3,952,790,406
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3,611,831,954	6,419,823,774	4,726,147,310	18,184,287,646
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	928,395,697	3,521,669,407
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3,611,831,954	6,419,823,774	3,797,751,613	14,662,618,239

Bình Dương, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu


NGUYỄN NGỌC LIÊN

Kế toán trưởng


NGUYỄN NGỌC LIÊN



TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MIRAE

TRẦN YOUNG HU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I Lợi nhuận trước thuế	01		4,726,147,310	18,184,287,646
Điều chỉnh các khoản			59,884,743,487	47,514,362,630
- Khấu hao tài sản cố định	02		47,524,512,869	44,676,773,139
- Các khoản dự phòng	03		1,060,429,634	(6,931,110,685)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(289,725,792)	(35,894,795)
- Chi phí lãi vay	06		11,589,526,776	9,804,594,971
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		64,610,890,797	65,698,650,276
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46,443,105,564)	(45,799,889,947)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(59,155,789,420)	(27,949,314,515)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		77,575,930,333	30,476,689,505
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		788,602,398	4,886,075,228
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11,396,904,273)	(9,760,631,874)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,678,949,518)	(1,707,678,639)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,000,000)	(4,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24,298,674,753	15,839,900,034
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(13,487,249,912)	(32,612,794,425)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS-DH khác	22		110,773,179	(342,236,400)
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,223,699,319)	(3,000,000,000)
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		289,725,792	35,894,795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20,310,450,260)	(35,919,136,030)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		335,538,089,460	389,456,177,517
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(304,018,800,007)	(360,449,708,157)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(413,563,534)	(1,414,393,312)
5 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31,105,725,919	27,592,076,048
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		35,093,950,412	7,512,840,052
Tiền nhận về từ hợp nhất kinh doanh			-	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16,324,681,777	18,108,269,569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	51,418,632,189	25,621,109,621


Bình Dương, ngày 19 tháng 10 năm 2020


CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

TỔNG GIÁM ĐỐC


Người lập biểu

Kế toán trưởng


NGUYỄN NGỌC LIÊN


NGUYỄN NGỌC LIÊN




YOUNG HO